

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **03/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông
tư số 151/2014/TT-BTC ngày
10/10/2014 của Bộ Tài chính
)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (MẪU SỐ 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2019

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []

☐ Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ

☐ Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

☐ Doanh nghiệp thuộc đối tượng kê khai thông tin giao dịch liên kết

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:

[05] Tỷ lệ (%): 0,00%

[06] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIKING

[07] Mã số thuế: 0104877363

[08] Địa chỉ: Phòng 1002, tầng 10, tòa nhà Thăng Long, 98 Nguyễn Như Kon Tum,
Phường Nhân Chính

[09] Quận/Huyện: Thanh Xuân

[11] Điện thoại:

[10] Tỉnh/Thành phố: Hà
Nội

[12] Fax: [13] E-mail:

[14] Tên đại lý thuế (nếu có):

[15] Mã số thuế:

[16] Địa chỉ:

[17] Quận/Huyện:

[19] Điện thoại:

[22] Hợp đồng đại lý thuế: Số

[18] Tỉnh/Thành phố:

[20] Fax: [21] E-mail:

Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	54.637.208
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp ($B1 = B2 + B3 + B4 + B5 + B6 + B7$)	B1	615.000
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	615.000
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp ($B8 = B9 + B10 + B11 + B12$)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B11	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế ($B12 = A1 + B1 - B8$)	B12	55.252.208
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B13	55.252.208
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản ($B14 = B12 - B13$)	B14	0
C	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế ($C1 = B13$)	C1	55.252.208
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	C3	0

3.1	Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3a-C3b)	C4	55.252.208
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8+C9)	C6	55.252.208
6.1	Trong đó: + Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 22% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 20% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C8	55.252.208
6.3	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C9	0
	+ Thuế suất không ưu đãi khác	C9a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C10 =(C7 x 22%) + (C8 x 20%) + (C9 x C9a))	C10	11.050.442
8	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	5.525.221
9	Thuế TNDN được miễn, giảm trong kỳ	C12	2.762.611
9.1	Trong đó: + Số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định	C13	0
9.2	+ Số thuế được miễn, giảm không theo Luật Thuế TNDN	C14	0
11	Số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C15	0
12	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (C16=C10-C11-C12-C15)	C16	2.762.610
D	Tổng số thuế TNDN phải nộp (D=D1+D2+D3)	D	2.762.610
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (D1=C16)	D1	2.762.610
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	D2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	D3	0
E	Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm (E = E1+E2+E3)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E3	0
G	Tổng số thuế TNDN còn phải nộp (G = G1+G2+G3)	G	2.762.610
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (G1 = D1-E1)	G1	2.762.610
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (G2 = D2-E2)	2	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) (G3 = D3-E3)	G3	0
H	20% số thuế TNDN phải nộp (H = D*20%)	H	552.522
I	Chênh lệch giữa số thuế TNDN còn phải nộp với 20% số thuế TNDN phải nộp (I = G-H)	I	2.210.088

L. Gia hạn nộp thuế (nếu có)

- [L1] Đối tượng được gia hạn []
- [L2] Trường hợp được gia hạn nộp thuế TNDN theo:
- [L3] Thời hạn được gia hạn:
- [L4] Số thuế TNDN được gia hạn: 0
- [L5] Số thuế TNDN không được gia hạn: 0

M.Tiền chậm nộp của khoản chênh lệch từ 20% trở lên đến ngày hết hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế TNDN (trường hợp kê khai quyết toán và nộp thuế theo quyết toán trước thời hạn thì tính đến ngày nộp thuế)

- [M1] Số ngày chậm nộp: 0 ngày, từ ngày 01/02/2020 đến ngày
- [M2] Số tiền chậm nộp: 0

I. Ngoài các Phụ lục của tờ khai này, chúng tôi gửi kèm theo các tài liệu sau:

STT	Tên tài liệu

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ngày 17 tháng 03 năm 2020

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Nguyễn Tuấn Dũng

Ghi chú: - TNDN: Thu nhập doanh nghiệp



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIKING.**

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
 Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ
 (Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-1A/TNDN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2019

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIKING

[03] Mã số thuế: 0104877363

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính.		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	[01]	17.998.252.136
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[02]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([03]=[04]+[05]+[06]+[07])	[03]	0
a	Chiết khấu thương mại	[04]	0
b	Giảm giá hàng bán	[05]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[06]	0
d	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp	[07]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[08]	7.690.605
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([09]=[10]+[11]+[12])	[09]	17.950.688.234
a	Giá vốn hàng hóa	[10]	17.066.898.906
b	Chi phí bán hàng	[11]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[12]	883.789.328
5	Chi phí tài chính	[13]	2.305
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay dùng cho sản xuất, kinh doanh	[14]	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([15]=[01]-[03]+[08]-[09]-[13])	[15]	55.252.202
7	Thu nhập khác	[16]	6
8	Chi phí khác	[17]	615.000
9	Lợi nhuận khác ([18] = [16] - [17])	[18]	(614.994)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([19] = [15] + [18])	[19]	54.637.208

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Ngày 17 tháng 03 năm 2020

Họ và tên:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Chứng chỉ hành nghề số:

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Nguyễn Tuấn Dũng

Ghi chú: - Số liệu tại chỉ tiêu [19] của Phụ lục này được ghi vào chỉ tiêu mã số A1 của Tờ khai quyết toán thuế TNDN của cùng kỳ tính thuế.

 Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIKING.**

PHỤ LỤC
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI
Đối với cơ sở kinh doanh thành lập mới từ dự án đầu tư, cơ sở kinh doanh di chuyển
địa điểm, dự án đầu tư mới và dự án đầu tư đặc biệt quan trọng
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Mẫu số: **03-3A/TNDN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2019

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIKING

[03] Mã số thuế: 0104877363

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

A. Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế

1. Điều kiện ưu đãi.

☐ Doanh nghiệp sản xuất mới thành lập từ dự án đầu tư.

☐ Doanh nghiệp di chuyển địa điểm ra khỏi đô thị theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

☒ Doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư hoặc dự án đầu tư mới vào ngành nghề, lĩnh vực ưu đãi đầu tư.

☐ Doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư hoặc dự án đầu tư mới vào ngành nghề, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư.

☐ Doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư hoặc dự án đầu tư mới vào địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

☐ Doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư hoặc dự án đầu tư mới vào địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao.

☐ Doanh nghiệp thành lập mới trong lĩnh vực xã hội hoá hoặc có thu nhập từ hoạt động xã hội hoá.

☐ Dự án đầu tư đặc biệt quan trọng.

☐ Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp; Quỹ tín dụng nhân dân; Tổ chức tài chính vi mô; Cơ quan xuất bản.

☐ Ưu đãi theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.

☐ Ưu đãi khác

2. Mức độ ưu đãi thuế:

2.1- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi: 10,000 %

2.2- Thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi 15 năm, kể từ năm 2010

2.3- Thời gian miễn thuế 4 năm, kể từ năm 2010

2.4- Thời gian giảm 50% số thuế phải nộp: 9 năm, kể từ năm 2015

B. Xác định số thuế được ưu đãi:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
3	Xác định số thuế TNDN chênh lệch do doanh nghiệp hưởng thuế suất ưu đãi		
3.1	Tổng thu nhập tính thuế được hưởng thuế suất ưu đãi	[1]	55.252.208
3.2	Thuế TNDN tính theo thuế suất ưu đãi	[2]	5.525.221
3.3	Thuế TNDN tính theo thuế suất không phải thuế suất ưu đãi	[3]	11.050.442
3.4	Thuế TNDN chênh lệch ([4] = [3] - [2])	[4]	5.525.221
4	Xác định số thuế được miễn, giảm trong kỳ tính thuế:		
4.1	Tổng thu nhập tính thuế được miễn thuế hoặc giảm thuế	[5]	55.252.208
4.2	Thuế suất thuế TNDN ưu đãi áp dụng (%)	[6]	10,000
4.3	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	[7]	5.525.221
4.4	Tỷ lệ thuế TNDN được miễn hoặc giảm (%)	[8]	50,000
4.5	Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	[9]	2.762.611

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Ngày 17 tháng 03 năm 2020

Họ và tên:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
THUẾ**

Chứng chỉ hành nghề số:

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Nguyễn Tuấn Dũng

Ghi chú: - TNDN: thu nhập doanh nghiệp.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIKING.**